

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – HUẾ
THÀNH PHỐ HUẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **86/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 20/3/2026

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – HUẾ, THÀNH PHỐ HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Nhân Phái và bà Đặng Hoàng Ái
Thụy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân
khu vực 4 – Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Huế tham gia phiên tòa:
Bà Trương Thị Khánh Nhạc - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Huế,
thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số:
142/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
17/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên
tòa số 09/2026/QĐST-HNGĐ ngày 03/3/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức Nhật P, sinh năm 1985; căn cước số
048085007087, cấp ngày 26/02/2025 tại Bộ C; Địa chỉ: Tổ F, phường H, thành
phố Đà Nẵng; có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 1993; Giấy chứng minh nhân
dân số 191790760 cấp ngày 14/12/2010 tại Công an tỉnh T; Địa chỉ: Số D đường
L, TDP Loan L, xã C - L, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn
Đức Nhật P trình bày:*

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức Nhật P và chị Nguyễn Thị
Thanh M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân
phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (nay là Ủy ban nhân dân phường H, thành
phố Đà Nẵng) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/8/2019. Sau khi kết hôn
vợ chồng chung sống hạnh phúc chỉ vài năm thì thường xuyên phát sinh mâu
thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng hay cãi vã, bất đồng quan điểm sống, hiện đã
sống ly thân từ t

háng 4/2023 và không còn quan tâm gì đến nhau. Do tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên anh P xin ly hôn với chị M.

[2]. Về con chung: Anh P xác nhận vợ chồng có 01 người con chung là cháu Nguyễn Đức Thiên N, sinh ngày 29/10/2019. Hiện nay cháu N đang được chị M chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại bản tự khai ngày 22/10/2025 anh P thay đổi yêu cầu về việc nuôi con, giao cháu Nguyễn Đức Thiên N cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh P không cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án cho chị M biết việc anh P xin ly hôn nhưng trong thời hạn luật định chị M không có văn bản trình bày ý kiến. Tòa án cũng đã thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt dù đã được tổng đạt hợp lệ.

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã C – L, thành phố H xác nhận chị Nguyễn Thị Thanh M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số D đường L, Loan L, xã C - L, thành phố H, đã kết hôn với anh Nguyễn Đức Nhật P. Quá trình chung sống, anh P và chị M có 01 người con chung là cháu Nguyễn Đức Thiên N, sinh ngày 29/10/2019. Hiện nay, anh P và chị M đang sống ly thân với nhau, chị M đã chuyển về nhà cha mẹ để ở số D đường L, TDP Loan L, xã C - L, thành phố H để sinh sống và làm việc, còn anh P vẫn sinh sống và làm việc tại thành phố Đà Nẵng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến việc anh P yêu cầu ly hôn với chị M thì chính quyền địa phương không rõ. Cháu Nguyễn Đức Thiên N là con chung của anh P và chị M hiện đang sống cùng với chị M. Nay anh P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị M thì đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Do bị đơn vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 03/3/2026, chị M vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ hai, bị đơn tiếp tục vắng mặt.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật về tố tụng, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Huế có ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, người tiến hành tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng không có vi phạm gì cần kiến nghị khắc phục. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho anh Nguyễn Đức Nhật P được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh M.

Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử: Giao cháu Nguyễn Đức Thiên N, sinh ngày 29/10/2019 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến lúc cháu N trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Nguyễn Đức Nhật P phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức Nhật P và chị Nguyễn Thị Thanh M kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (nay là Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Đà Nẵng) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/8/2019 nên hôn nhân của họ là hợp pháp. Theo tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được, anh P và chị M không còn chung sống với nhau, con chung của anh chị là cháu Nguyễn Đức Thiên N hiện đang sống cùng với chị M.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Toà án thông báo cho bị đơn đến tham gia phiên toà nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, điều này chứng tỏ bị đơn thiếu thiện chí hoà giải để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng và hàn gắn quan hệ hôn nhân, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh P xin ly hôn là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Đức Nhật P.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh P và chị M có 01 người con chung là cháu Nguyễn Đức Thiên N, sinh ngày 29/10/2019. Hiện nay cháu N đang được chị M chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu nuôi con của anh P thấy rằng: Từ khi sống ly thân cho đến nay, cháu N do chị M trực tiếp nuôi dưỡng, vẫn ổn định về mọi mặt. Chị Nguyễn Thị Thanh M không có ý kiến gì về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa anh P yêu cầu giao con cho chị M tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh P không cấp dưỡng nuôi con. Do đó, để đảm bảo sự phát triển về thể chất lẫn tinh thần, trí tuệ của con nên chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Đức Nhật P. Giao cháu Nguyễn Đức Thiên N, sinh ngày 29/10/2019 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến lúc cháu N trưởng thành, đủ 18 tuổi; anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Đức Nhật P không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Đức Nhật P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật

hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức Nhật P.

[1]. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Đức Nhật P được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh M kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2]. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức Thiên N, sinh ngày 29/10/2019 cho chị Nguyễn Thị Thanh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến lúc cháu Nguyễn Đức Thiên N trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Đức Nhật P không cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Đức Nhật P phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000321 ngày 26/9/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành bản án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Huế;
- VKSND TP Huế;
- THADS TP Huế;
- VKSND khu vực 4 – Huế;
- Phòng THADS khu vực 4 – Huế
- UBND phường Hòa Khánh, TP Đà Nẵng (ĐKKH ngày 27/8/2019 tại UBND phường Hòa Khánh Nam);
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Vân

